

Số: 206/2020/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 15 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 238/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thanh TR; nơi cư trú: Số 97A, đường TT, tổ dân phố số 2, phường TC, quận HA, Hải Phòng;

Anh Vũ Long Đ; nơi cư trú: Thôn TX, thị trấn NĐi, huyện KT Hải Phòng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Long Đ và chị Nguyễn Thanh TR kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng vào ngày 28/7/2003. Theo anh chị xác nhận: Sau một thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống cũng như suy nghĩ, tính cách. Một thời gian dài cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Trên thực tế, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Anh Đ và chị TR đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên

cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị TR có 02 con chung Vũ Phương L, sinh ngày 08/11/2005 và Vũ Phương M, sinh ngày 06/10/2009. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vũ Phương L; chị TR trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vũ Phương M đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt, học tập hiện tại cũng như nguyện vọng của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị TR thống nhất thỏa thuận: Hàng tháng, anh Đ có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Vũ Phương M là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị TR thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đ và chị TR mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Long Đ và chị Nguyễn Thanh TR cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung Vũ Phương L, sinh ngày 08/11/2005 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Vũ Phương M, sinh ngày 06/10/2009 cho chị TR trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Kể từ tháng 9/2020, anh Đ có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với con chung Vũ Phương M là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung:

Anh Đ và chị TR cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Đ và chị TR mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Đ và chị TR đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0017864 ngày 01 tháng 10 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Cường

